

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức
2. Ông Đinh Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 95/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lâm Văn B**, sinh năm 1988 (xin vắng mặt); Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Thanh N**, sinh năm 1988 (xin vắng mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2023, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 12/4/2023, nguyên đơn anh Lâm Văn B trình bày:

Anh và chị Lê Thị Thanh N qua tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình nên anh và chị N tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T huyện B, tỉnh Vĩnh Long), được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/02/2011. Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Đức T (sinh ngày 13/9/2012) và Lâm Ngọc Kim C (sinh ngày 06/01/2016) hiện nay 02 con chung đang ở cùng anh chị.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi vã, đã khuyên bảo nhiều lần để thay đổi và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Lâm Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N. Về con chung, tùy nguyện vọng của con chung muốn sống với cha hay mẹ thì người đó chăm sóc, người không trực tiếp chăm sóc con chung không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đi làm ở xa nên yêu cầu được giải quyết vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại bản khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 21/4/2023, bị đơn chị Lê Thị Thanh N trình bày: Chị thống nhất ý kiến trình bày của anh B về quan hệ hôn nhân, quan hệ con cái và tài sản chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp và không tôn trọng nhau, tuy đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Qua yêu cầu khởi kiện của anh B, chị có ý kiến như sau: Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn cùng anh B. Về con chung là Lâm Đức T và Lâm Ngọc Kim C: Tùy nguyện vọng của con chung muốn sống với cha hay mẹ thì người đó chăm sóc, người không trực tiếp chăm sóc con chung không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Không tranh chấp. Do bận công việc nên chị yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét anh Lâm Văn B yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Thanh N, chị N có nơi cư trú thuộc huyện B nên quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Anh B, chị N đều có đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh B, chị N là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, do đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hòa hợp, mâu thuẫn xảy ra đã lâu, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không thể hòa hợp, tình cảm vợ chồng đã không còn. Xét việc tiếp tục chung sống đã không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh B được ly hôn chị N là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Anh B và chị N có hai con chung tên Lâm Đức T (sinh ngày 13/9/2012) và Lâm Ngọc Kim C (sinh ngày 06/01/2016). Hiện cả 02 con chung đang sống cùng cha mẹ, anh B và chị N đều đồng ý để các con có sự lựa chọn nguyện vọng muốn sống cùng cha hay mẹ. Xét cháu T, cháu C đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên được Hội đồng xét xử công nhận để chị N được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị N chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lâm Văn B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Văn B.

1.1. Về hôn nhân: Anh Lâm Văn B được ly hôn chị Lê Thị Thanh N.

1.2. Về con chung:

Công nhận để chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Lâm Đức T, sinh ngày 13/9/2012 và Lâm Ngọc Kim C, sinh ngày 06/01/2016. Anh B chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lâm Văn B phải chịu án phí là 300.000đồng; số tiền phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002925 ngày 13/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã Tân Bình,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(h.Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long): 01;
- Lưu: 04.

Nguyễn Văn Mười Hai